

Bản án số: 03/2018/KDTM-PT.

Ngày: 24/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Bà Ngô Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Châu Thùy Tam-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTM-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐPT-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần bê tông P.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế S, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu đô thị mới D, phường Đ, quận E, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2016.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

Địa chỉ: đường G, khu phố H, thị trấn I, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lại Hùng A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: đường K, phường L, thành phố M, tỉnh Kiên Giang. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn N1.*

Địa chỉ: đường G, khu phố H, thị trấn I, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp U, xã V, huyện X, tỉnh Hậu Giang. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2017.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.*

(Ông S, ông A, ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông P là ông Nguyễn Thế S trình bày:

Năm 2014 giữa Công ty cổ phần bê tông P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có thỏa thuận Công ty P cung cấp bê tông tươi cho công trình xây dựng O tại Y, C. Trong thời gian này Công ty P vừa cung cấp bê tông cho Công ty N và cung cấp bê tông cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N1 (sau đây gọi tắt là Công ty N1), loại bê tông Mác 300, 250, 200, 150. Việc các bên thực hiện hợp đồng cung cấp bê tông không có hợp đồng mua bán mà chỉ dựa trên lòng tin, cung cấp bê tông theo yêu cầu của doanh nghiệp, khi giao hàng thì các bên cử người ra nhận hàng và thanh toán. Hình thức thanh toán là khi Công ty N yêu cầu viết hóa đơn thanh toán, Công ty P viết hóa đơn và nhận tiền, có khi nợ lại vài lần rồi cộng lại và thanh toán.

Đến ngày 31/7/2015 Công ty P ngừng cung cấp bê tông do phía Công ty N yêu cầu viết hóa đơn và Công ty P đã xuất hóa đơn nhưng không thanh toán.

Tính đến ngày 31/7/2015 Công ty P đã giao khối lượng bê tông cho Công ty N và Công ty N1, cụ thể: Giao cho Công ty N là 290m³ với số tiền 550.144.997 đồng gồm: Bê tông Mác 300 = 241m³; bê tông Mác 250 = 11m³; Bê tông Mác 200 = 25m³; Bê tông Mác 150 = 17m³. Trong các lần giao bê tông này Công ty N đã thanh toán số tiền 55.799.977 đồng do ông L thu tiền mặt và xuất hóa đơn số 167, 167 và 171, Công ty N còn nợ lại 494.345.000 đồng.

Giao cho Công ty N1 143,5m³ Mác bê tông 300 với số tiền 290.807.500 đồng. Công ty N đã thanh toán cho Công ty P 225.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, còn nợ lại 65.807.500 đồng. Do Công ty N yêu cầu cung cấp bê tông cho Công ty N1 và sẽ chịu trách nhiệm thanh toán khối lượng bê tông này nên toàn bộ giấy giao hàng đều ghi tên Công ty N. Do đó Công ty N phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ của Công ty N1.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty N trả số tiền 560.152.500 đồng. Đồng thời yêu cầu Công ty N trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 31/7/2015 đến khi xét xử theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn N1 là bà Huỳnh Thị Tuyết N trình bày:

Bà N thừa nhận từ năm 2014 Công ty N, Công ty N1 có thỏa thuận mua bê tông tươi của Công ty P. Trong đó Công ty N1 có nhận 143,5m³ bê tông với số tiền 290.807.500 đồng, Công ty N đã thanh toán thay cho Công ty N1 225.000.000 đồng, còn nợ lại 65.807.500 đồng.

Đối với khoản nợ của Công ty N thì Công ty N chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 135.300.000 đồng, còn khoản nợ 359.045.000 đồng do các bên chưa đối chiếu khối lượng nên không thể xác định khoản nợ, bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cho ông Q là nhân viên của Công ty N được tham gia trình bày.

- Người làm chứng ông Phan Văn Q trình bày:

Ông xác nhận vào thời điểm Công ty N và Công ty N1 mua bê tông của Công ty P ông là nhân viên của Công ty N, nhiệm vụ kiểm soát công trình O. Trong thời gian này ông giám sát công trình và nhận bê tông, ngoài ông thì có ông Nguyễn Văn L1 cùng là nhân viên công ty nhận hàng. Lời trình bày của bà N là đúng, Công ty N chỉ còn nợ nguyên đơn 135.300.000 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTM-ST ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông P.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông P là 665.181.093 đồng, gồm tiền nợ gốc 560.152.500 đồng và tiền lãi 105.028.593 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2017 bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung như sau:

Công ty TNHH một thành viên N không đồng ý với tuyên xử của Tòa án huyện C vì Công ty N không nợ số tiền 560.152.500 đồng theo khởi kiện của Công ty bê tông P, Công ty N chỉ nợ số tiền 135.300.000 đồng mua bê tông của Công ty cổ phần bê tông P.

Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ kiện, sửa bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Công ty N đồng ý trả số tiền 135.300.000 đồng mua bê tông của Công ty cổ phần bê tông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện bị đơn ông Lại Hùng A đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty N, bị đơn thừa nhận nợ mua bê tông Công ty P số tiền 135.300.000 đồng và 65.807.500 đồng của Công ty N1, tổng cộng là 201.107.500 đồng. Số tiền nguyên đơn khởi kiện 359.045.000 đồng căn cứ phiếu giao nhận hàng do nguyên đơn cung cấp là không đủ căn cứ, bởi nội dung giao nhận hàng không cụ thể, khối lượng hàng không quy ra số tiền, tên người nhận hàng không rõ ràng không chứng minh là đại diện hợp pháp của bị đơn nhận hàng nên không thể căn cứ phiếu giao nhận hàng này để buộc bị đơn trả số tiền 359.045.000 đồng; đồng thời số nợ này nguyên đơn không xuất hóa đơn, không có xác nhận nợ của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án, bác kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền chưa đối chiếu là 359.045.000 đồng; số nợ 201.107.500 đồng bị đơn chấp nhận thanh toán.

- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N1 là ông Nguyễn Văn T thống nhất số nợ công ty N1 còn nợ công ty P là 65.807.500 đồng và Công ty N có trách nhiệm trả Công ty P thay cho Công ty N1 số nợ này.

- Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thế S trình bày đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Số tiền 359.045.000 đồng do Công ty N chưa xác nhận công nợ nên chưa xuất hóa đơn được. Phiếu giao nhận hàng là căn cứ khởi kiện của nguyên đơn ngoài ra không có chứng cứ khác để buộc bị đơn trả nợ.

Đối với số tiền 135.300.000 đồng bê tông đã nghiệm thu nên xuất hóa đơn, số tiền 359.045.000 đồng giao hàng trước tháng 3/2015 nhưng do bị đơn né tránh, không đối chiếu nên chưa xuất hóa đơn nhưng có ký xác nhận của kế toán là bà H nhận bằng kê. Đối với bà H kế toán Công ty N và ông Nguyễn Văn L1 nhận hàng hiện nay còn làm việc tại công ty hay không thì ông không biết. Trong các phiếu giao hàng có 04 phiếu không ghi tên đã xuất hóa đơn ngày 08/12/2014 do Công ty N1 nhận và thanh toán xong.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:** Việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 135.300.000 đồng + 65.807.500 đồng = 201.107.500 đồng và lãi suất cơ bản theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra không đồng ý trả các khoản nợ khác.

Đối với số nợ 359.045.000 đồng Công ty P yêu cầu Công ty N trả, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Bảng kê chi tiết khối lượng bê tông đối với số tiền 359.045.000 đồng tương ứng 36 phiếu giao hàng thể hiện người nhận là ông Phan Văn Q, ông Nguyễn Văn L1 và Biên bản đối chiếu khối lượng bê tông đối với số tiền 359.045.000 đồng đã giao cho kế toán của Công ty N tên H ký xác nhận. Cấp sơ thẩm chỉ ghi lời khai của ông Q thừa nhận chữ ký 09 phiếu nhận hàng, còn 23 phiếu nhận hàng ông L1 ký xác nhận Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ. Đối với Biên bản đối chiếu khối lượng bê tông đối với số tiền 359.045.000 đồng nguyên đơn gửi cho kế toán của bị đơn là bà H ký nhận cũng chưa được làm rõ về việc bị đơn biết được số tiền nợ này và bà H có phải nhân viên của Công ty N hay không.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, buộc Công ty N thanh toán cho Công ty P số tiền 201.107.500 đồng và lãi suất cơ bản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn Công ty P và bị đơn Công ty N thống nhất hai bên có giao dịch mua bán bê tông. Về số tiền bê tông bị đơn còn nợ nguyên đơn thì hai bên không thống nhất. Công ty P cho rằng Công ty N còn nợ số tiền 560.152.500 đồng, gồm 65.807.500 đồng tiền bê tông Công ty N1 nhận hàng bị đơn chấp nhận thanh toán, 135.300.000 đồng tiền bê tông bị đơn nhận hàng, số tiền này hai bên đã đối chiếu công nợ và xuất hóa đơn, 359.045.000 đồng tiền bê tông bị đơn còn nợ nguyên đơn nhưng hai bên chưa đối chiếu công nợ. Bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua bê tông là 135.300.000 đồng và số tiền Công ty N1 mua bê tông còn nợ nguyên đơn là 65.807.500 đồng, tổng cộng là 201.107.500 đồng và chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 201.107.500 đồng, không đồng ý số nợ 359.045.000 đồng.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn trình bày đối với số tiền mua bán bê tông nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 359.045.000 đồng theo bảng kê ngày 23/01/2018 có 36 phiếu giao hàng chưa đối chiếu công nợ do phía bị đơn cố tình né tránh, kế toán Công ty N1 là bà H đã nhận bảng kê này. Tại phiên tòa sơ thẩm bà N là người đại diện hợp pháp của Công ty N1 thừa nhận ông Lê Hoàng K giám đốc Công ty N là em ruột của bà N, mọi giao dịch chủ

yếu do bà N điều hành. Lý do hai bên chưa đối chiếu công nợ là do bận công việc (BL 143). Ông Phan Văn Q thừa nhận có ký tên vào biên nhận bê tông do nguyên đơn cung cấp, bà N cũng xác định ông Q là nhân viên giám sát công trình của Công ty N và Công ty N1 (BL 142 - 143).

Xét thấy bảng kê ngày 23/01/2018 có 36 phiếu giao hàng nhưng nguyên đơn chỉ cung cấp kèm theo bảng kê 32 phiếu giao hàng trong đó ông L1 nhận 23 phiếu, ông Q nhận 09 phiếu. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ký nhận hàng của ông L1, chưa làm rõ bà H kế toán Công ty N về việc xác nhận bảng kê nợ do Công ty P giao mà buộc bị đơn thanh toán nợ 359.045.000 đồng là chưa đủ căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm đại diện bị đơn không thừa nhận người nhận hàng ông L1 là nhân viên Công ty N. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ 201.107.500 đồng và lãi suất chậm trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn từ ngày 31/7/2015 đến 30/8/2017 (xét xử sơ thẩm), mức lãi suất 9%/năm. Số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: $201.107.500 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 37.707.656 \text{ đồng}$. Tổng vốn lãi là 238.815.156 đồng.

[3]. Đối với số tiền 359.045.000 đồng nguyên đơn khởi kiện chưa đối chiếu nợ với bị đơn, Bản án sơ thẩm chưa xác minh làm rõ chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông L1 và bà H như nhận định trên. Tại cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Để có căn cứ hợp pháp theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thống nhất hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với yêu cầu này của nguyên đơn, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ xét xử lại theo quy định chung.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH N phải nộp án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: $238.815.156 \text{ đồng} \times 5\% = 11.940.757 \text{ đồng}$.

Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm của nguyên đơn Công ty P đã nộp 13.200.000 đồng sẽ được tính trong phần bản án bị hủy khi được Tòa án xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH N không phải chịu do Bản án sơ thẩm bị hủy một phần, Công ty N được nhận lại 300.000 đồng đã nộp theo lai thu của cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

- Hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đối với số nợ khởi kiện chưa đối chiếu 359.045.000 đồng.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông P.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông P là 238.815.156 (hai trăm ba mươi tám triệu, tám trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi sáu) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 201.107.500 đồng và tiền lãi 37.707.656 đồng.

Kể từ ngày Công ty cổ phần bê tông P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N không thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Giao hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại trên về Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo quy định tố tụng đối với phần nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông P khởi kiện Công ty N số tiền nợ mua bê tông 359.045.000 đồng.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận là 11.940.757 (mười một triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm năm mươi bảy) đồng.

Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm của nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông P đã nộp 13.200.000 đồng sẽ được tính trong phần bản án bị hủy khi được Tòa án xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N không phải chịu án phí phúc thẩm do bản án sơ thẩm bị hủy một phần, được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006200 ngày 15/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục T.H.A DS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Hường

